

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-12-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Nhật T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Nhật T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N tìm hiểu được 01 thời gian rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 7 năm 2008 tại UBND xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống tại nhà anh. Vợ chồng chung sống được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị N đưa con về nhà cha mẹ chị sinh sống. Mặc dù anh và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải cho hai vợ chồng nhưng chị N

không đồng ý đoàn tụ và sống tại nhà cha mẹ chị từ năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung là cháu Đỗ Thiên K, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2010 và Đỗ Thiện N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2016. Hiện nay hai cháu đều đang sống với mẹ. Nếu ly hôn, anh yêu cầu giao con cho mẹ nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn, giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đỗ Nhật T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với chị Nguyễn Thị N là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N có nơi cư trú tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chỉ có anh T cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai nên Tòa án chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ này để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Anh Đỗ Nhật T và chị Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 7 năm 2008 tại UBND xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước nên hôn nhân giữa anh T, chị N là hôn nhân hợp pháp. Anh T yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị N tuy là vợ chồng nhưng đã không sống chung từ năm 2016, không còn liên hệ, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh T xin ly hôn chị

N cũng không có ý kiến gì để hàn gắn, đoàn tụ. Từ đó cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho anh T được ly hôn chị N.

[5] Về quan hệ con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là cháu Đỗ Thiên K, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2010 và Đỗ Thiện N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2016. Hai con đang sống với chị N và anh T yêu cầu tiếp tục giao hai cháu cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian không sống chung, chị N chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu và vẫn đảm bảo cho các cháu được giáo dục, phát triển bình thường nên việc giao các cháu cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Đỗ Nhật T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho anh Đỗ Nhật T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. Giao con chung là cháu Đỗ Thiên K, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2010 và Đỗ Thiện N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Anh Đỗ Nhật T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005802 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND X. Phước Lộc, H. Tuy Phước (Số 85/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên